

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cang;

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Đức Vũ Tài, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thanh B, sinh năm 1987; cư trú tại: đường N, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983; cư trú tại: đường N, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 01/8/2023 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được hai năm thì đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, anh Đ gây ra nhiều nợ nần trong nhiều năm, người khác đến đòi nợ làm cho chị cảm thấy mệt mỏi. Năm 2015, chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng do con còn nhỏ nên chị rút đơn. Vợ chồng đã nhiều lần giải quyết mâu thuẫn với nhau nhưng không có kết quả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân được nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 05/12/2014; Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 20/12/2017; Nguyễn Bùi Đăng K, sinh ngày 20/3/2021, hiện các con đang sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con; yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi 03 con 3.000.000 đồng/tháng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng).

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại Bản tự khai và Biên bản hoà giải, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: anh và chị Bùi Thị Thanh B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn như chị Bình trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, đến tháng 8/2023 vợ chồng gặp khó khăn về kinh tế, thu nhập bị giảm sút, anh làm ăn thua lỗ phải đi làm ở xa nên có xảy ra mâu thuẫn. Nay, chị B yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn yêu thương vợ và các con. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị B trình bày. Hiện các con đang sống cùng anh và chị B, anh không muốn các con bị chia rẽ. Trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị B.

Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh B và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, bị đơn thường gây ra nợ nần ảnh hưởng đến cuộc sống hạnh phúc của gia đình; năm 2023, mâu thuẫn xảy ra càng trầm trọng hơn; nay nguyên đơn kiên quyết yêu cầu được ly hôn; bị đơn không đồng ý ly hôn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay nhưng không khắc phục được dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có ba con chung là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 05/12/2014; Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 20/12/2017; Nguyễn Bùi Đăng K, sinh ngày 20/3/2021, các con hiện đang sống với nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi ba con, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng); bị đơn cũng có ý kiến không muốn các con bị chia rẽ và thống nhất mức cấp dưỡng mà nguyên đơn yêu cầu. Xét thấy, các con còn nhỏ, lâu nay do nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bị đơn thường xuyên đi làm xa nên không đảm bảo việc chăm sóc con. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao ba con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bùi Thị Thanh B được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao ba con Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 05/12/2014; Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 20/12/2017; Nguyễn Bùi Đăng K, sinh ngày 20/3/2021 cho nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi ba con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng); thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2024 cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0012530 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hoà;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND Phường K, TP. T;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa